

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**  
**KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO  
TẠO NGÀNH KIỂM TOÁN  
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY  
MÃ SỐ: 7340302**

**Hà Nội, năm 2019**

## **GIỚI THIỆU CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

### **Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Thương mại**

Trường Đại học Thương mại (tên tiếng Anh: *Thuongmai University*, viết tắt là TMU) được thành lập năm 1960 với tên gọi là Trường cán bộ Thương nghiệp Trung ương. Năm 1965, trường được giao nhiệm vụ đào tạo đại học. Năm 1974, Trường được đổi tên thành Trường đại học Thương nghiệp, từ năm 1984 trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 1994 Trường đổi tên thành Trường Đại học Thương mại.

Trường Đại học Thương mại có cơ sở chính đóng tại số 79 đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và cơ sở Hà Nam đóng tại 157 Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam, với tổng diện tích 8,37 ha. Trường là một trong những đại học được đánh giá có cơ sở vật chất hiện đại, cảnh quan và khuôn viên đẹp, thân thiện với môi trường.

Trường Đại học Thương mại có sứ mạng xây dựng và phát triển thành trường đại học đa ngành tiên tiến trong các lĩnh vực kinh tế và thương mại của Việt Nam, có uy tín trong khu vực và trên thế giới; một trung tâm giáo dục có chất lượng và không ngừng được cải tiến với phương pháp đào tạo liên tục được đổi mới và hoàn thiện; một cơ sở nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ đào tạo có uy tín về thương mại, du lịch, dịch vụ và hội nhập kinh tế quốc tế; một trung tâm văn hoá nhằm cung cấp cho xã hội những cán bộ có trình độ đại học, sau đại học đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hoá và năng lực nghề nghiệp thích ứng với điều kiện môi trường đang thay đổi và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Hiện nay, trường đang đào tạo trình độ đại học 14 ngành học với 19 chuyên ngành, đào tạo sau đại học ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ gồm 8 chuyên ngành thạc sĩ và 5 chuyên ngành tiến sĩ.

Ngoài ra, Nhà trường còn có các chương trình đào tạo liên kết quốc tế cấp bằng cử nhân thực hành và đào tạo liên thông lên thạc sĩ với các trường đại học lớn của Canada, Pháp, Áo, Trung Quốc, Đài Loan,... với tổng cộng 6 chuyên ngành trình độ đại học và 5 chuyên ngành trình độ thạc sĩ.

### **Giới thiệu về Khoa Kế toán - Kiểm toán**

**\* *Đội ngũ giảng viên***

Trường Đại học Thương mại hiện có tổng số công chức, viên chức là 660 người, trong đó có 435 giảng viên cơ hữu (chiếm tỷ lệ 65,9%), giảng viên có chức danh GS, PGS là 49/435 người (chiếm tỷ lệ 11,3%), trình độ tiến sĩ 118/435 người (chiếm tỷ lệ 27,1%), trình độ thạc sĩ 317/435 người (chiếm 72,9%).

Ngoài ra Trường còn ký hợp đồng thỉnh giảng với 72 giáo sư, phó giáo sư nước ngoài, thường xuyên đến giảng dạy trực tiếp cho các chương trình liên kết quốc tế đào tạo đại học, sau đại học của Trường.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên của khoa Kế toán – Kiểm toán có 50 cán bộ giảng viên cơ hữu và 4 giảng viên kiêm nhiệm, trong đó có 09 phó giáo sư, 21 tiến sĩ, 33 NCS và thạc sĩ; 05 giảng viên đã được đào tạo dài hạn ở nước ngoài, nhiều giảng viên đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài về lĩnh vực Kế toán Kiểm toán.

Về đội ngũ giảng viên phục vụ mở ngành Kiểm toán: Đến nay, Khoa Kế toán-Kiểm toán đã có 3 tiến sĩ đúng ngành kiểm toán và 18 tiến sĩ ngành gần, 04 giảng viên đạt chứng chỉ hành nghề kiểm toán (CPA) của Bộ tài chính, 01 giảng viên đạt chứng chỉ quốc tế về Kế toán Kiểm toán (ACCA); nhiều giảng viên trong khoa đã và đang tham gia vào các Hội đồng xây dựng và thẩm định chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc gia. Giảng viên trong Khoa đã hoàn thành 2 giáo trình, 1 sách tham khảo, 1 đề tài Cấp Bộ, 16 đề tài cấp cơ sở, 53 bài báo về đề tài kiểm toán. Ngoài ra, các giảng viên còn tham gia giảng dạy các học phần kiểm toán trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ ngành kế toán của trường ĐHTM, tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ các đề tài về kiểm toán, tham gia giảng các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về kiểm toán cho các đối tượng là kế toán trưởng, kiểm toán viên. Với năng lực hiện tại của đội ngũ giảng viên, Khoa Kế toán-Kiểm toán hoàn toàn có thể triển khai đào tạo thêm ngành Kiểm toán song song với ngành Kế toán mà Khoa đang đảm nhận.

**\* Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo**

Với quy mô đào tạo hiện nay, Trường Đại học Thương mại đáp ứng tốt về nhu cầu cơ sở vật chất, phòng học, phòng máy tính cho người học thuộc các hệ đào tạo của Nhà trường. Tổng diện tích đất của toàn trường là 8,370ha. Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo là 37.528m<sup>2</sup>.

Tổng số phòng học trong toàn trường: 179 phòng với tổng diện tích là 44.445m<sup>2</sup>. Trong đó có 131 phòng học với tổng diện tích 37.528m<sup>2</sup>, 43 phòng thực hành diện tích

4.722m<sup>2</sup>, 05 hội trường diện tích 2.195m<sup>2</sup>. Tổng số sinh viên của nhà trường khoảng 16.000 sinh viên, như vậy đảm bảo 2,77m<sup>2</sup>/1sinh viên.

Trường cũng có các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, trong đó có nhiều phòng có thể thi trắc nghiệm trên máy tính với diện tích 54 m<sup>2</sup>/phòng, bố trí 30 máy tính/phòng. Phòng máy tính thực hành tin học rộng 60m<sup>2</sup>/phòng để thực hành tin học và thi trên máy tính của sinh viên.

Trường cũng sẽ dự kiến đưa vào sử dụng tòa nhà “Khu nghiên cứu, triển khai và đào tạo Quốc tế” vào tháng 08 năm 2018. Nhà trường cũng đang triển khai đề án xây dựng Trung tâm học liệu và giảng đường đa năng với diện tích sàn xây dựng 10.000 m<sup>2</sup> nhằm đáp ứng nhu cầu tra cứu, cập nhật thông tin dữ liệu một cách nhanh nhất giúp giảng viên, cán bộ, sinh viên của Trường đạt hiệu quả cao trong quá trình dạy, học, nghiên cứu khoa học.

Số lượng các trang thiết bị của nhà trường tăng lên qua các năm. Số lượng máy tính tăng từ 546 máy năm 2014 lên 555 máy năm 2015 và 671 máy năm 2016, đến nay các máy tính đã được thay thế và mua mới gần như toàn bộ. Số lượng một số trang thiết bị chủ yếu khác gồm: 98 máy chiếu, 202 máy in, 7 máy photocopy. Tất cả các phòng học của Nhà trường đều đã được trang bị máy chiếu, điều hòa, hệ thống quạt trần, đèn chiếu sáng đảm bảo phục vụ hoạt động dạy và học

Trường đã ứng dụng các phần mềm cho các hoạt động dạy, học, NCKH và quản lý như hệ thống các cổng thông tin điện tử (31 sites thông tin, 12 sites quản lý), phần mềm thi trắc nghiệm, hệ thống phần mềm đào tạo tin chỉ cho các hệ đào tạo, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý khoa học, các phần mềm mã mở cài đặt cho máy tính (open office, trình duyệt, winzip, foxit...). Trường đã triển khai, lắp đặt và sử dụng 05 đường truyền internet tốc độ cao. Nhà trường cũng lắp đặt 82 wifi tại tất cả các đơn vị và phòng đọc thư viện, nối mạng đến toàn bộ các máy tính.

Trường có hệ thống tư liệu và thư viện điện tử hiện đại với 60.000 bản sách và 160 loại báo, tạp chí trong và ngoài nước; trong đó 80% số đầu sách, báo, tạp chí gắn với chuyên ngành đào tạo.

#### **\* Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo**

Trường Đại học Thương mại đã đăng ký đào tạo ngành Kế toán bậc đại học hệ chính quy, ngành Kế toán từ năm 1978, thời gian đào tạo theo lộ trình chuẩn là 4 năm.

Tên ngành Kế toán đã có trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Đến nay, Trường Đại học Thương mại phát triển thêm ngành đào tạo Kiểm toán trên cơ sở vận dụng những thành công và kinh nghiệm trong thực tiễn 40 năm đào tạo ngành Kế toán. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, chúng tôi đã và tham khảo các chương trình đào tạo của nước ngoài cũng như các trường đại học đã có kinh nghiệm nhiều năm trong việc đào tạo ngành Kiểm toán như Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Học viện Tài chính, Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Chương trình đào tạo được thiết kế với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa của chương trình là 120 tín chỉ (không bao gồm 11 tín chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất); trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 35 tín chỉ; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 85 tín chỉ gồm 27 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành, 36 tín chỉ kiến thức ngành, 12 tín chỉ kiến thức bổ trợ; thực tập và làm tốt nghiệp 10 tín chỉ. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hệ thống đào tạo tín chỉ, bên cạnh các học phần bắt buộc có nhiều học phần tự chọn giúp người học chủ động trong việc học, tạo ra sự linh hoạt và liên thông theo cả chiều ngang và chiều dọc để người học có nhiều cơ hội lựa chọn và phát triển sự nghiệp tương lai.

#### **\* Đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh**

Đối tượng tham gia chương trình đào tạo cử nhân Kiểm toán hệ chính quy là học sinh đã tốt nghiệp THPT và thỏa mãn các điều kiện tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo kế hoạch của trường, ngành Kiểm toán sẽ tuyển sinh với 200 chỉ tiêu trong năm học 2019-2020; số lượng giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy toàn bộ chương trình là 99 giảng viên, 100% giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên, gồm 57 tiến sỹ (trong đó có 34 PGS), 59 thạc sỹ. Trường cũng đã chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất, tài liệu học tập cho sinh viên của ngành trên cơ sở tài nguyên hiện có để đáp ứng cho nhu cầu đào tạo nếu được mở ngành Kiểm toán.

Dự kiến tổng quy mô đào tạo đến năm 2022 sẽ vào khoảng 650 sinh viên với chỉ tiêu tuyển sinh và quy mô đào tạo ngành Kiểm toán trong 3 năm đầu là:

- Năm 2019-2020: 200 sinh viên
- Năm 2020-2021: 200 sinh viên
- Năm 2021-2022: 250 sinh viên

Phương thức tuyển sinh: Trường tuyển sinh đại học chính quy ngành Kiểm toán dựa theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính qui của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Thương mại.

# PHẦN 1: MÔ TẢ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số .... ngày .... tháng ... năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

**Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Kiểm toán**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Loại hình đào tạo: Chính qui**

**Ngành đào tạo: Kiểm toán Mã số: 7340302**

**Chuyên ngành đào tạo: kiểm toán**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kiểm toán, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiểm toán, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành kiểm toán và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện công tác kiểm toán tại các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, và các tổ chức khác.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm và chuẩn đầu ra về thái độ để người học đảm nhiệm được và đảm nhiệm tốt các vị trí công việc sau khi tốt nghiệp cũng như có khả năng tiếp tục học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường.

TT	Mã mục tiêu	Mục tiêu cụ thể
1	MT1	Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng về kế toán kiểm toán; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết tốt các vấn đề cụ thể trong kế toán, kiểm toán ở các lĩnh vực khác nhau

2	MT2	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kiểm toán
3	MT3	Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức.
4	MT4	Có kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế
5	MT5	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng truyền đạt vấn đề; phổ biến kiến thức, kỹ năng khi thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, phức tạp thuộc chuyên môn kiểm toán.
6	MT6	Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
7	MT7	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức.
8	MT8	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT và đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường.
9	MT9	Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, trung thực, khách quan; tự chủ, sáng tạo...
10	MT10	Tuân thủ pháp luật của quốc gia và quốc tế; tuân thủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và đạo đức trong kinh doanh; có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động.

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học, có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về kiểm toán; có đủ khả năng tác nghiệp, tổ chức thực hiện và tư vấn các vấn đề về kiểm toán, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế. Cụ thể:

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức
1	KT1	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về kiểm toán; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải



		quyết tốt các tình huống cụ thể trong công tác kiểm toán.
2	KT2	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật
3	KT3	Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của chuyên môn kiểm toán
4	KT4	Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động kiểm toán tại các đơn vị, tổ chức.
5	KT5	Có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.
6	KT6	Có kiến thức bổ trợ để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế

## 2.2. Kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sau:

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng
1	KN1	Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức.
2	KN2	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
3	KN3	Có kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
4	KN4	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
5	KN5	Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp thuộc lĩnh vực chuyên môn kiểm toán.
6	KN6	Đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc và quy định chuẩn ngoại ngữ của Nhà Trường.
7	KN7	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT.

## 2.3. Thái độ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán phải đạt chuẩn về thái độ, hành vi sau:

TT	Mã CDR	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng
1	TĐ1	Có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân; tôn trọng những chuẩn mực đạo đức trong xã hội.
2	TĐ2	Tuân thủ pháp luật của quốc gia và quốc tế; tuân thủ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và đạo đức trong kinh doanh; có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động.
3	TĐ3	Có đạo đức nghề nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, trung thực, khách quan; kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, tự chủ, phản biện, sáng tạo...

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

131 tín chỉ, trong đó gồm: 120 tín chỉ đào tạo kiến thức và kỹ năng.

11 tín chỉ giáo dục thể chất và quốc phòng;

### 4. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

#### 5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập của từng học kỳ và đăng ký học tập theo tài khoản cá nhân. Sinh viên có thể học theo tiến độ chuẩn (4 năm), hoặc theo tiến độ nhanh (3 năm) hoặc kéo dài tối đa không quá 7 năm tùy thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện học tập, khả năng học tập của mỗi người.

#### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên tích lũy đủ 120 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo gồm 94 tín chỉ bắt buộc và 26 tín chỉ tự chọn, hoàn thành chương trình giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

### 6. Chiến lược giảng dạy, học tập

Nhiều hoạt động giảng dạy và học tập khác nhau đã được áp dụng để tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội thực hành các kiến thức đã học và đảm bảo đạt được các mục tiêu và ELO.



8	TLM7	Chiến lược	Đóng vai		X	X											
9	TLM18	dựa trên nghệ thuật	Biểu diễn					X		X			X				
10	TLM8	Chiến lược	Trò chơi	X	X	X		X									X
11	TLM9	dạy học	Thực tế	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	TLM10	dựa trên	Tranh luận	X	X	X											
13	TLM19	hoạt động	Mô phỏng										X	X			
14	TLM11		Thảo luận	X	X			X	X	X			X	X	X		
15	TLM12	Chiến lược	Thực hành nhóm	X				X	X	X				X	X		
16	TLM13	hợp tác	Câu hỏi gợi mở		X	X	X										
17	TLM20		Jigsaw		X	X		X									X
18	TLM14	Chiến lược	Dự án nghiên cứu		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		học tập độc lập –	/ Nghiên cứu độc lập														
19	TLM16	tự học	Đánh giá bài tập					X	X	X	X		X	X	X		
20	TLM15	Ứng dụng dựa trên công nghệ  / phương	Phương pháp dựa  trên công			X		X	X	X				X	X		

		tiện truyền thông	nghệ																	
--	--	----------------------	------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Một trong những điểm khác biệt quan trọng của ngành Kiểm toán là nhấn mạnh mục tiêu đào tạo ra cử nhân Kiểm toán “có tư duy sáng tạo trong hoạt động Kiểm toán” và để đạt được ELO này, ngoài những phương pháp giảng dạy truyền thống, nhiều môn học đã bổ sung phương pháp dạy dựa vào nghệ thuật và tạo môi trường cho người học lên ý tưởng và hiện thực hóa các sáng kiến Kiểm toán. Ngoài ra, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh xu hướng thay đổi liên tục, FOM còn tăng cường các phương pháp giảng dạy dựa vào hoạt động và nâng cao kỹ năng tư duy, thấu cảm như nghiên cứu tình huống, đi thực tế, làm việc nhóm và thuyết trình, mời các chuyên gia nước ngoài, doanh nhân, cựu sinh viên về báo cáo tham luận. Để phát triển và hỗ trợ việc tự học, học ở nhà, FOM đã triển khai các công cụ trực tuyến hỗ trợ cho việc dạy và học. Elearning đã được FOM triển khai thử nghiệm từ những năm 2014, tới nay ngoài elearning, FOM đã phát triển thêm nhiều hình thức tương tác trực tuyến nhằm hỗ trợ việc kiểm soát, theo dõi (follow) người học tại nhà như Google Drive, Edmodo, Facebook.

### 7. Chiến lược và các phương pháp đánh giá

Tại Khoa Kế toán-Kiểm toán, đánh giá của sinh viên về quá trình học tập được dựa trên Quy chế đào tạo theo tín chỉ của MOET và Quy định TMU về đánh giá khóa học. Theo các quy định này, kết quả của sinh viên Kế toán không chỉ được đánh giá liên tục trong suốt học kỳ mà còn được đánh giá qua năm học và toàn bộ chương trình. Trong mỗi khóa học, lớp học sinh viên được tính từ đánh giá liên tục và đánh giá tổng kết. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các yêu cầu và tiêu chí cụ thể được thiết kế và xuất bản bởi Khoa Kế toán-Kiểm toán để tạo hiểu biết cho sinh viên trước khi học.

Khoa Kế toán-Kiểm toán đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá học sinh này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của học sinh mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng được thể hiện rõ ràng trong ELOs Các đánh giá phù hợp được lựa chọn tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp giảng dạy và yêu cầu kết quả học tập trong mỗi khóa học. Các đánh giá đảm bảo thông tin đầy đủ để đánh giá sự phát triển của học sinh và quá trình học tập cũng như hiệu quả của quá trình giảng dạy.

Từ năm 2017, FOM đã phát triển một hệ thống phiếu tự đánh giá (rubric) chung để đánh giá tốt hơn mức độ thành tích cho từng ELO của chương trình (đặc biệt là ELO chung). Các phương pháp và các công cụ đánh giá được xây dựng tương ứng và tương thích chặt chẽ với ELO. Các công cụ đánh giá, đặc biệt là phiếu tự đánh giá đã được sử dụng trong hầu hết các khóa học trong Chương trình Kế toán để đo lường mức độ đạt được của CLO trong mỗi khóa học, khi CLO được thiết kế để phản ánh rõ ràng các ELO của chương trình. Ngoài việc triển khai hệ thống hóa hệ thống phiếu tự đánh giá chung để đo lường kết quả và kỹ năng khóa học của sinh viên, FOM cũng đã xây dựng ngân hàng đề thi (NHĐT) cho các khóa học, trong đó cấu trúc ngân hàng kiểm tra (dạng kiểm tra cuối kỳ) chỉ ra cụ thể số lượng câu hỏi, mức độ khó của từng câu hỏi và tỷ lệ của từng câu hỏi trong bài kiểm tra, cũng như các liên kết giữa nội dung đánh giá với CLOs.

ELO	AM	Công cụ
ELO1	Bài kiểm tra trắc nghiệm / Thi tự	Ngân hàng câu hỏi thi / đề thi cuối kỳ/

	luận	đáp án đề thi
<b>ELO2</b>	Đánh giá làm việc theo nhóm	Rubric đánh giá làm việc theo nhóm
<b>ELO3</b>	Báo cáo tốt nghiệp / Luận văn	Rubric Báo cáo tốt nghiệp
<b>ELO4</b>	Thuyết trình	Rubric thuyết trình
<b>ELO5</b>	Thuyết trình / Nhật ký và blog / Khóa luận tốt nghiệp / Báo cáo tốt nghiệp	Rubric thuyết trình (FOM) / Rubric Khóa luận/ Báo cáo tốt nghiệp
<b>ELO6</b>	Đánh giá bài tập / Thuyết trình / Kiểm tra hiệu quả công việc	Rubric đánh giá bài tập / Ngân hàng đề thi
<b>ELO7</b>	Kiểm tra hiệu quả công việc / thuyết trình	Rubric đánh giá hiệu quả công việc/ rubric thuyết trình
<b>ELO8</b>	Đánh giá bài tập / Thi vấn đáp / Thuyết trình / Thi tự luận	Rubric đánh giá bài tập / Ngân hàng đề thi
<b>ELO9</b>	Thuyết trình / Viết Báo cáo / Thi tự luận / Trò chơi mô phỏng	Ngân hàng đề thi / Rubric báo cáo / Rubric thuyết trình
<b>ELO10</b>	Viết Báo cáo/ Trò chơi mô phỏng / Thi vấn đáp	Rubric lập kế hoạch Kế toán / Rubric thuyết trình
<b>ELO11</b>	Viết báo cáo / Nhật ký và blog / Kiểm tra hiệu quả công việc / Bảo vệ và thi vấn đáp	Rubric Báo cáo / Phiếu đánh giá hiệu quả công việc / Rubric thi vấn đáp ( Ngân hàng đề thi)
<b>ELO12</b>	Kiểm tra chuyên cần / đánh giá bài tập / Nhật ký và blog / Viết báo cáo / Bảo vệ và thi vấn đáp / Luận văn / báo cáo tốt nghiệp	Rubric đánh giá chuyên cần / Rubric đánh giá đạo đức / Rubric Luận văn/ báo cáo tốt nghiệp

**8. Cách thức đánh giá:** Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ.

TMU sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng hệ thống thang điểm của TMU

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
<b>Đạt</b>	Giỏi	8,5 ÷ 10	A	4
	Khá	7,0 ÷ 8,4	B	3
	Trung bình	5,5 ÷ 6,9	C	2
	Trung bình yếu	4,0 ÷ 5,4	D	1
<b>Không đạt</b>	Kém	< 4,0	F	0

## PHẦN II: MÔ TẢ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Nội dung chương trình đào tạo: 131 Tín chỉ

#### 1.1. Khung chương trình đào tạo

	<b>KHỐI KIẾN THỨC VÀ CÁC HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TÍN CHỈ</b>
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>46 TC</b>
<b>1.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>33</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Tiếng Anh 1	2
6	Tiếng Anh 2	2
7	Tiếng Anh 3	2
8	Tiếng Anh 4	2
9	Tiếng Anh 5	3
10	Toán cao cấp 1	2
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
12	Pháp luật đại cương	2
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
14	Tin học quản lý	3
<b>1.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>	
1	Lịch sử kinh tế Việt Nam	2
2	Xã hội học đại cương	2
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
<b>1.3.</b>	<b>Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng</b>	<b>11</b>
1	Giáo dục thể chất	3
2	Giáo dục quốc phòng	8
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>85 TC</b>
<b>2.1.</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>24</b>
<b>2.1.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>15</b>
1	Kinh tế vi mô 1	3
2	Nguyên lý kế toán	3
3	Kiểm toán căn bản	3
4	Nguyên lý thống kê	3
5	Nhập môn tài chính tiền tệ	3
<b>2.1.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9</b>
	<i>Chọn 9 TC trong các HP sau:</i>	
1	Quản trị học	3
2	Kinh tế lượng	3
3	Luật kinh tế 1	3

4	Thị trường chứng khoán	3
5	Kinh tế học quản lý	3
6	Kinh tế vĩ mô 1	3
7	Thống kê kinh doanh	3
<b>2.2.</b>	<b>Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)</b>	<b>39</b>
<b>2.2.1.</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>30</b>
1	Kế toán tài chính 1	3
2	Kế toán tài chính 2	3
3	Kế toán công 1	3
4	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	3
5	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3
6	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3
7	Kiểm toán ngân sách nhà nước	3
8	Kiểm toán nội bộ	3
9	Thực hành kiểm toán Báo cáo tài chính	3
10	Phân tích báo cáo tài chính	3
<b>2.2.2.</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9</b>
	<i>Chọn 9 TC trong các HP sau:</i>	
1	Kế toán thuế trong doanh nghiệp	3
2	Practice of Accounting (ICAEW) (Kế toán thực hành)	3
3	Practice of Auditing (ICAEW) (Thực hành kiểm toán)	3
4	Hệ thống thông tin kế toán	3
5	Kế toán quản trị	3
6	Kế toán ngân hàng thương mại	3
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>12</b>
<b>2.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>6</b>
1	Tài chính công	3
2	Quản trị tài chính 1	3
<b>2.3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6</b>
	<i>Chọn 6TC trong các HP sau:</i>	
1	Định giá tài sản	3
2	Thực hành kế toán máy	3
3	Thuế	3
4	Kinh tế quốc tế	3
<b>2.4</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b>	<b>10</b>



**MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA VỚI MỤC TIÊU  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KIỂM TOÁN**

CDR Mục tiêu	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							THÁI ĐỘ		
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TĐ1	TĐ2	TĐ3
MT1	x															
MT2		x	x													
MT3				x	x											
MT4						x										
MT5								x			x					
MT6									x							
MT7							x			x						
MT8												x	x			
MT9																x
MT10														x	x	

**Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)**

STT	Chuẩn Đầu ra	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG							THÁI ĐỘ		
	Học phần	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	TĐ1	TĐ2	TĐ3
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1		3							2		1			3		1
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2		3							2		1			3		1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		3							2		1			3		1
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3							2		1			3		1
5	Tiếng Anh 1											2	3				
6	Tiếng Anh 2											2	3				
7	Tiếng Anh 3											2	3				
8	Tiếng Anh 4											2	3				
9	Tiếng Anh 5											2	3				
10	Toán cao cấp 1		3								1						
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		3								1	2					

12	Pháp luật đại cương		3	2	1										3	2
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3						2		2	2				2
14	Tin học quản lý					1	2						3			
15	Lịch sử kinh tế Việt Nam		3			2	2		3		3				2	
16	Xã hội học đại cương		3			2	2	1	2	3				3	2	
17	Lịch sử các học thuyết kinh tế		3					2	2	2				2		
18	Giáo dục thể chất							2						3		
19	Giáo dục quốc phòng							2						3		
20	Kinh tế vĩ mô 1		3		2				2	2						
21	Nguyên lý kế toán	2					3	1			2					
22	Kiểm toán căn bản	3			2			1			1				2	2
23	Nguyên lý thống kê		3				2	1			1					
24	Nhập môn tài chính tiền tệ		3				3	1			1					
25	Quản trị học		3				2	2		2						1
26	Kinh tế lượng		2		1			2								
27	Luật kinh tế 1		3				1	2		2		1			2	

28	Thị trường chứng khoán		2			1	1	1							1	
29	Kinh tế vi mô 1		3				2	2	2							1
30	Kinh tế quốc tế		2						2	1					2	
31	Kinh tế thương mại 1		2			2	2	1	2							1
32	Kế toán tài chính 1	3				1		1	1	1						1
33	Kế toán tài chính 2	3				1		1	1	1						1
34	Kế toán công 1	3				1		1	1	1						1
35	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	3				2		1	1	1						1
36	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	3				2		1	1	1						1
37	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	3				2		1	1	1						1
38	Kiểm toán ngân sách nhà nước	3		1		2		1	1	1						1
39	Kiểm toán nội bộ	3				2		1	1	1						1
40	Thực hành kiểm toán Báo cáo tài chính	3				2		3	1	1	2					1
41	Phân tích báo cáo tài chính	2	2					1	1	1						1
42	Kế toán thuế trong doanh nghiệp	3						2	1	1						1

43	International Accounting	3						1	2	1			3			2
44	Auditing & Assurance	3						1	1	1			3			2
45	Hệ thống thông tin kế toán		2	2				1	1	1				3		
46	Kế toán quản trị	3						2	1	2	2					1
47	Kế toán ngân hàng thương mại	3						1	1	1						1
48	Tài chính công		2				3	1	1	1						1
49	Tài chính doanh nghiệp		2				3	1	1	1						1
50	Định giá tài sản						3	1	1	1						1
51	Thực hành kế toán máy	3						3	1	1		2				1
52	Thuế			2			3	1	1	1						1
53	Thống kê kinh tế			2			3	1	1	1						1

## 1.2. Mô tả chương trình giảng dạy

### 1.2.1. Cấu trúc

Chương trình giảng dạy được chia thành 3 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ tương ứng trong mỗi khối được cho trong bảng 2.1

*Bảng cấu trúc chương trình*

STT	Thành phần	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Khối kiến thức đại cương	44	2
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	15	9
3	Khối kiến thức chuyên ngành (Kiểm toán)	30	9
4	Khối kiến thức bổ trợ	6	6
5	Khóa luận tốt nghiệp	10	0
	<b>Tổng</b>	<b>105</b>	<b>26</b>

**Khối kiến thức đại cương** bao gồm 44 tín chỉ các môn học chính trị, tư tưởng, luật và lý thuyết cơ bản về kinh tế và quản lý nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội; cùng với 11 tín chỉ tiếng Anh tổng quát

**Khối kiến thức cơ sở ngành** gồm 25 tín chỉ bao gồm các học phần nghiên cứu liên quan đến cơ sở ngành của kế toán như Nguyên lý kế toán, Nguyên lý thống kê, Nhập môn tài chính tiền tệ, kiểm toán căn bản ...

**Khối kiến thức ngành (Kiểm toán) (Bắt buộc):** gồm 30 tín chỉ bao gồm các khóa học chuyên ngành về Kiểm toán như Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, Kiểm toán báo cáo tài chính 1, Kiểm toán báo cáo tài chính 2, Kiểm toán nội bộ, Thực hành kiểm toán Báo cáo tài chính,... để phục vụ định hướng nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

**Khối kiến thức ngành (Kiểm toán) (Tự chọn):** 9 tín chỉ liên quan đến việc phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực Kiểm toán khác nhau như: Kế toán thuế trong doanh nghiệp, Practice of Accounting (ICAEW), Hệ thống thông tin kế toán, Kế toán quản trị, ...

**Khóa luận tốt nghiệp:** (10 tín chỉ) là khóa luận tốt nghiệp quan trọng nhất của chương trình Kiểm toán và thể hiện rõ ràng mức độ mà sinh viên đạt được hầu hết các ELO của chương trình. Để có đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên Kiểm toán phải nộp khóa luận tốt nghiệp bên cạnh việc hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc (bao gồm cả khóa học Phương pháp nghiên cứu) trong chương trình. Sinh viên được yêu cầu thực hiện thực tập dưới sự giám sát của một người phụ trách tại đơn vị thực tập và một giáo viên hướng dẫn trong vòng 14 tuần. Sau đó, sinh viên có 2 tuần cuối cùng để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp. Hội đồng đánh giá theo các tiêu chí chi định.

Các khối kiến thức được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 3

Bảng ma trận giữa các khối kiến thức và ELOs

TT	Thành phần	Số tín chỉ		ELOs												
		Số	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Khối kiến thức đại cương	46	35	x	x	x	x	x	x							x
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	24	18	x		x	x		x							x
3	Khối kiến thức chuyên ngành (Kế toán)	51	39		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Khóa luận tốt nghiệp	10	8		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>	<b>100</b>													

**1.2. Mô tả học phần (Đề cương mẫu 4 được đính kèm)**

## 2. Các nội dung đạt được từng học phần trong chương trình

### CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC

Chiến lược dạy và học	Code	Phương pháp dạy và học	Mô tả
<b>Chiến lược chỉ dẫn trực tiếp</b>	<b>TLM1</b>	<b>Giải thích cụ thể</b>	Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng.
	<b>TLM2</b>	<b>Thuyết giảng</b>	Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.
	<b>TLM3</b>	<b>Tham luận</b>	Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo. Với lực lượng cựu sinh viên thành công ở nhiều vị trí khác nhau trong tất cả các loại hình doanh nghiệp và tổ chức trên khắp miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam, cũng như mối quan hệ tốt đẹp giữa Khoa Quản trị Kế toán và các hiệp hội doanh nghiệp, nên phương pháp này được sử dụng nhiều trong chương trình Quản trị Kế toán của FOM.
		<b>Hội thảo / Hướng dẫn</b>	Hội thảo hoặc hướng dẫn là một phương pháp hướng dẫn tập hợp một nhóm nhỏ sinh viên để thảo luận về các chủ đề quan tâm hoặc kiểm tra các lĩnh vực chuyên sâu hơn dưới sự chỉ đạo của giáo viên hoặc trưởng nhóm thảo luận. Các hội thảo cung cấp cơ



	<b>TLM17</b>		<p>hội cho sinh viên đảm nhận vai trò lãnh đạo trong việc dẫn dắt cuộc thảo luận trong một nhóm nhỏ. Hướng dẫn là cơ hội định hướng để thảo luận về các dự án độc lập, đề khắc phục và cho người học nâng cao để khám phá các chủ đề phức tạp hơn. Trách nhiệm cho các cuộc thảo luận và phân tích được trao cho các sinh viên, cho phép họ học hỏi lẫn nhau và do đó đảm bảo thảo luận có ý nghĩa và tương tác nhóm.</p>
<b>Chiến lược tư duy kỹ năng</b>	<b>TLM4</b>	<b>Giải quyết vấn đề</b>	<p>Giải quyết vấn đề là một quá trình trong đó sinh viên áp dụng tư duy phê phán và logic để nhận thức và giải quyết khoảng cách giữa tình huống hiện tại và mục tiêu mong muốn. Trong tiến trình dạy và học, sinh viên làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với những vấn đề đó. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.</p>
	<b>TLM5</b>	<b>Tập kích não</b>	<p>Phương pháp này thông qua làm việc nhóm để tìm ra giải pháp, ý tưởng xoay quanh một chủ đề. Mỗi thành viên trong nhóm đều được khuyến khích đưa ra ý tưởng mà không quan tâm tới tính khả thi, kích thích sinh viên tư duy linh hoạt và có khả năng mở rộng kỹ năng phát hiện vấn đề cũng như giải quyết vấn đề. Tập kích não được sử dụng trong các khóa học để kích thích sự phát triển tư duy sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và giải pháp kinh doanh.</p>
		<b>Nghiên cứu điển hình</b>	<p>Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phân biện và giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên</p>

	<b>TLM6</b>		<p>các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh sử dụng nhiều các tình huống từ những tập đoàn, doanh nghiệp trên toàn thế giới, tạo điều kiện cho người học tiếp cận với thực tiễn hoạt động quản trị.</p>
<b>Chiến lược dựa trên nghệ thuật</b>	<b>TLM7</b>	<b>Nhập vai</b>	<p>Nhập vai là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Nhập vai được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức trước khi ra quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các tình huống trong bối cảnh xa lạ.</p>
	<b>TLM18</b>	<b>Biểu diễn</b>	<p>Biểu diễn là một kỹ thuật để kể chuyện ở định dạng kịch tính. Story theater cung cấp nhiều trải nghiệm, như đọc vở kịch, đảm nhận vai trò, ghi nhớ các dòng, tạo trang phục và bộ, thực hành âm nhạc và vũ đạo, và biểu diễn trước khán giả. Biểu diễn phát triển các kỹ năng nhận thức thông qua việc tổ chức các suy nghĩ và phân tích các bộ phận và toàn bộ sản xuất, bao gồm cả diễn tập và biểu diễn. Nó cung cấp trải nghiệm hợp tác cho sinh viên khi họ làm việc với những người khác hướng tới một mục tiêu chung.</p>
<b>Chiến lược dựa trên</b>		<b>Trò chơi</b>	<p>Trò chơi được xem là hoạt động hợp tác; các trò chơi có thể thúc đẩy sự hỗ trợ lẫn nhau</p>

<b>hoạt động</b>	<b>TLM8</b>		trong một nhóm và tăng sự tự tin. Vào cuối trò chơi, sinh viên sẽ báo cáo các kết quả đạt được thông qua thuyết trình
	<b>TLM9</b>	<b>Thực tế</b>	Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại nhà máy và các công ty để giúp sinh viên trải nghiệm được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp; cung cấp cơ hội khám phá và học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong tổ chức. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh của DBA đã phát triển phương pháp này từ rất sớm, trong quá trình học, sinh viên có cơ hội tham quan thực tế tại các doanh nghiệp ở đa dạng các lĩnh vực. trải nghiệm thực tiễn mà còn hỗ trợ họ tạo lập mạng lưới quan hệ xã hội với cộng đồng kinh doanh và doanh nghiệp.
	<b>TLM10</b>	<b>Tranh luận</b>	Là chiến lược dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm khác nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phân biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông..
	<b>TLM19</b>	<b>Mô phỏng</b>	Một mô hình hoặc tập hợp các tình huống tái tạo các điều kiện thực tế hoặc giả thuyết mà qua đó học sinh phản ứng và hành động như thể tình huống là có thật. Mô phỏng cho phép sinh viên khám phá các lựa chọn thay thế và giải quyết vấn đề cũng như kết hợp

			các giá trị và thái độ vào việc đưa ra quyết định và trải nghiệm kết quả.
<b>Chiến lược hợp tác</b>	<b>TLM11</b>	<b>Thảo luận</b>	Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.
	<b>TLM12</b>	<b>Thực hành nhóm</b>	Học sinh được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài. Học sinh đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.
	<b>TLM13</b>	<b>Câu hỏi gợi mở</b>	Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.
	<b>TLM20</b>	<b>Jigsaw</b>	Chiến lược học tập hợp tác cung cấp cơ hội cho sinh viên đạt được nhiều quan điểm và hiểu biết khác nhau bằng cách tham gia vào một nhóm chuyên ngành và sau đó bằng cách chia sẻ và tích hợp những gì họ đã học được trong nhóm nhà của họ. Trò chơi ghép hình được sử dụng để giúp học sinh có được cái nhìn tổng quan về một loạt các tài liệu hoặc ý kiến.

<b>Chiến lược học tập độc lập</b>	<b>TLM14</b>	<b>Dự án nghiên cứu / Nghiên cứu độc lập</b>	<p>Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, khám phá, tổ chức và giao tiếp đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. FOM và TMU có hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng, cập nhật, hỗ trợ tích cực cho việc tự học của sinh viên..</p>
	<b>TLM16</b>	<b>Đánh giá bài tập</b>	<p>Một công việc được hoàn thành bởi sinh viên bên ngoài lớp học và liên quan đến việc xem xét và thực hành học tập trên lớp. Nó được phân công để khuyến khích sinh viên chịu trách nhiệm về việc học tập của bản thân và tiếp thu các kỹ năng hoặc kiến thức cụ thể. Đánh giá bài tập cũng có thể khuyến khích sinh viên theo đuổi sở thích sâu sắc trong một chủ đề và tạo ra những suy nghĩ mới về chủ đề này.</p>
<b>Ứng dụng dựa trên công nghệ /</b>	<b>TLM15</b>	<b>Phương pháp dựa trên công nghệ</b>	Giáo viên và học sinh sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (E-learning, Edmodo, Facebook ...)
<b>phương tiện truyền thông</b>			

#### ASSESSMENT METHODS

<b>Code</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Mô tả</b>
	<b>Đánh giá</b>	Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên, cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản

AM1	<b>chuyên cần</b>	ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học
AM 2	<b>Đánh giá bài tập</b>	Học sinh được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi các cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể đã được công bố trước cho sinh viên.
AM 3	<b>Đánh giá thuyết trình nhóm</b>	Thuyết trình bằng miệng được sử dụng phổ biến trong chương trình giảng dạy Kế toán. Học sinh được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, tình huống hoặc bài tập liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động này không chỉ giúp sinh viên có được kiến thức chuyên ngành mà còn giúp họ phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Để đánh giá thành tích của các sinh viên về các kỹ năng này, tất cả các khóa học đều được xây dựng các tiêu chí đánh giá tương ứng hoặc tiêu chí đánh giá phù hợp với ELOs; và các công cụ đánh giá này được công bố trước cho sinh viên.
AM 4	<b>Đánh giá hoạt động</b>	Người học được yêu cầu thực hiện một số thao tác, kỹ thuật cụ thể theo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của môn học.
AM 5	<b>Viết nhật kí thực tập</b>	Người học viết nhật ký trong suốt khoảng thời gian thực tập để phản ánh công việc thực hiện và rút kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập. Đây là hình thức được Chương trình đào tạo Kế toán sử dụng trong đánh giá thực tập của sinh viên tại doanh nghiệp.
	<b>Kiểm tra viết</b>	Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

AM 7	<b>Kiểm tra trắc nghiệm</b>	<p>Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, trong đó học sinh được yêu cầu trả lời các câu hỏi có liên quan dựa trên các câu hỏi được đưa ra. Một điểm khác là trong phương pháp đánh giá này, học sinh trả lời các câu hỏi được hỏi dựa trên các câu trả lời được đề xuất cũng được thiết kế và in trong bài kiểm tra.</p>
AM 8	<b>Bảo vệ và thi vấn đáp</b>	<p>Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.</p>
AM 9	<b>Báo cáo</b>	Học sinh được đánh giá thông qua các sản phẩm báo cáo của học sinh, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ / hình ảnh trong báo cáo.
AM 10	<b>Đánh giá làm việc nhóm</b>	<p>Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Bảng đánh giá và tiêu chí đánh giá được phổ biến trong các giáo trình môn học</p>
AM11	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	<p>Chương trình thực tập của BA được thiết kế theo 2 hình thức: khóa luận và kiến tập. Với hình thức khóa luận tốt nghiệp, sinh viên nộp báo cáo và thuyết trình trước hội đồng từ 3-5 thành viên trong đó có 1 giáo viên phản biện. Hội đồng sẽ cho điểm theo phiếu đánh giá quy định.</p> <p>Với hình thức kiến tập, sinh viên nộp báo cáo và thuyết trình trước giáo viên phản biện. Báo cáo thực tập của sinh viên sẽ được chấm độc lập bởi 1 giáo viên hướng dẫn và 1 giáo viên phản biện. Sinh viên còn nhận được đánh giá của đại diện doanh nghiệp cho quá trình thực tập tại đơn vị.</p>
AM12	<b>Game mô phỏng</b>	Trò chơi mô phỏng đưa sinh viên vào một môi trường cạnh tranh năng động. Sinh viên sẽ chịu trách nhiệm đưa ra tất cả các quyết định cần thiết để quản lý hiệu quả sự tăng trưởng và lợi nhuận của công ty dựa trên vị thế cạnh tranh hiện tại của công ty trên nền tảng kinh doanh ảo. Cũng giống như trong thị trường kinh

	<p>doanh, 5 sinh viên của mỗi lớp được tập hợp thành một nhóm có thể được coi là một doanh nghiệp, mỗi sinh viên trong nhóm là thành viên hội đồng quản trị - sẽ cạnh tranh với một hoặc nhiều công ty khác trên thị trường (khác nhóm trong lớp) thông qua thủ tục và bán hàng trong thị trường điện tử tiêu dùng.</p> <p>Khi bắt đầu cạnh tranh trong môi trường này, mỗi doanh nghiệp sẽ phải gửi quyết định kinh doanh cho giáo viên thông qua một nền tảng kinh doanh ảo do giảng viên cung cấp. Giảng viên sẽ hoàn toàn giữ bí mật về quyết định kinh doanh. Máy tính sẽ phân tích tất cả các quyết định của các công ty trên thị trường và tính toán kết quả.</p> <p>Sau khi nhận được kết quả của giai đoạn kinh doanh cũng như trước khi đưa ra quyết định trong giai đoạn tới, sinh viên sẽ được yêu cầu nộp báo cáo thu nhập dự tính, bảng cân đối, dòng tiền dự tính và báo cáo chiến lược hoặc kế hoạch trong quản trị kinh doanh nói chung.</p> <p>Sau 6 giai đoạn kinh doanh, hiệu suất của công ty trong cạnh tranh sẽ được các máy tính và giảng viên đánh giá là đại diện của Hội đồng quản trị. Có nhiều yếu tố giúp nhóm chiến thắng trong cạnh tranh: tiền họ kiếm được so với đối thủ, mức độ mục tiêu đạt được, triển vọng của công ty, khả năng linh hoạt để thay đổi và phản ứng trong môi trường cạnh tranh, thị phần mà doanh nghiệp tuyên bố để có trong một thị trường cụ thể hơn 6 kỳ.</p>
--	--


### 3. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	17 tín chỉ đại cương và cơ sở ngành	17
2	Kỳ II	5 tín chỉ đại cương và cơ sở ngành 11 tín chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	16
3	Kỳ III	17 tín chỉ đại cương và cơ sở ngành	17
4	Kỳ IV	16 tín chỉ cơ sở ngành	16



5	Kỳ V	17 tín chỉ cơ sở ngành và chuyên ngành	17
6	Kỳ VI	16 tín chỉ chuyên ngành	16
7	Kỳ VII	16 tín chỉ chuyên ngành	16
8	Kỳ VIII	16 tín chỉ chuyên ngành	16
		<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>

**Trưởng khoa**  
(ký tên, đóng dấu)

  
P. B. Nguyễn Phú Giang